

CÁC BỘ**LIÊN BỘ****TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM -
BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM - BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2005

Số : 01/2005/TTLT-TLĐLĐVN-
BLĐTBXH

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH**Hướng dẫn về tổ chức và hoạt động Đại hội công nhân viên chức
trong công ty nhà nước**

Để thực hiện Luật Doanh nghiệp nhà nước năm 2003, Luật Công đoàn và Quy chế dân chủ ở doanh nghiệp nhà nước ban hành kèm theo Nghị định số 07/1999/NĐ-CP ngày 13/02/1999 của Chính phủ;

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn tổ chức và hoạt động Đại hội công nhân viên chức như sau:

1. Phạm vi, đối tượng áp dụng:

1.1. Thông tư này áp dụng đối với Tổng công ty nhà nước; các Công ty nhà nước độc lập; các Công ty thành viên hạch toán độc lập của Công ty do Nhà nước quyết định đầu tư được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước; các Công ty trách nhiệm hữu

hạn một thành viên, hai thành viên trở lên, Công ty cổ phần mà vốn điều lệ của Nhà nước (sau đây gọi chung là Công ty Nhà nước).

1.2. Khuyến khích các công ty khác mà Nhà nước nắm cổ phần, vốn góp chi phối vận dụng hướng dẫn tại Thông tư này để tổ chức Đại hội công nhân viên chức hoặc Hội nghị công nhân lao động cho phù hợp với đặc thù của công ty.

2. Nguyên tắc:

2.1. Đại hội công nhân viên chức hoặc Đại hội đại biểu công nhân viên chức (sau đây gọi chung là Đại hội CNVC) là hình thức thực hiện dân chủ trực tiếp để công nhân viên chức, lao động (CNVCLĐ) tham gia quản lý, sử dụng vốn Nhà nước tại công ty. Đại hội

CNVC được tiến hành từ cấp tổ, đội, phòng, ban, phân xưởng, đơn vị trực thuộc đến công ty.

2.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) công ty, trưởng các phòng, ban, quản đốc, đội trưởng, tổ trưởng sản xuất và Công đoàn cùng cấp có trách nhiệm chuẩn bị kế hoạch, nội dung, quyết định triệu tập Đại hội CNVC đồng chủ trì Đại hội CNVC của cấp mình và chỉ đạo cấp dưới (nếu có) tổ chức Đại hội CNVC.

2.3. Đại hội CNVC được tổ chức hợp lệ khi có ít nhất 2/3 tổng số CNVCLĐ (đại hội toàn thể) hoặc 2/3 tổng số đại biểu được triệu tập (đại hội đại biểu) tham dự. Nghị quyết của đại hội có giá trị thi hành khi có trên 50% tổng số đại biểu dự đại hội biểu quyết tán thành và không trái với chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3. Thời gian tổ chức Đại hội CNVC:

3.1. Cấp Tổng công ty nhà nước 5 (năm) năm tổ chức ít nhất hai lần Đại hội CNVC vào Quý II của năm định kỳ lựa chọn.

3.2. Các Công ty nhà nước còn lại, mỗi năm tổ chức Đại hội CNVC một lần vào Quý I năm kế hoạch.

4. Hình thức Đại hội CNVC:

4.1. Đại hội toàn thể được tổ chức ở công ty có từ 150 CNVCLĐ trở xuống.

4.2. Đại hội đại biểu được tổ chức ở công ty có trên 150 CNVCLĐ.

Trường hợp công ty có dưới 150 CNVCLĐ nhưng do hoạt động phân tán hoặc không thể rời vị trí sản xuất thì Giám đốc thỏa thuận với Ban Chấp hành Công đoàn công ty tổ chức Đại hội đại biểu.

Trường hợp đơn vị hạch toán phụ thuộc, phân xưởng, đội sản xuất, có trên 150 CNVCLĐ, thì lãnh đạo chuyên môn và Ban Chấp hành Công đoàn đồng cấp thống nhất chọn hình thức Đại hội toàn thể hoặc đại biểu, trước khi thực hiện phải xin ý kiến của lãnh đạo chuyên môn và Công đoàn cấp trên trực tiếp.

4.3. Đại hội CNVC bất thường:

Tổng Giám đốc (Giám đốc) thống nhất với BCH Công đoàn công ty quyết định triệu tập Đại hội CNVC bất thường theo hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu chậm nhất sau 15 ngày, kể từ ngày nhận được một trong những yêu cầu sau:

- Tổng Giám đốc (Giám đốc) công ty yêu cầu;

- Ban Chấp hành Công đoàn công ty yêu cầu;

- Trên 50% tổng số CNVCLĐ đề nghị (Công đoàn tập hợp bằng văn bản);

- Khi công ty tiến hành cổ phần hóa, giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê, tổ chức lại công ty (sáp nhập, hợp nhất, chia tách), giải thể, hoặc phá sản công ty.

Đại hội CNVC bất thường ở các đơn vị thành viên được tổ chức khi có sự

nhất trí của lãnh đạo chuyên môn và Công đoàn cấp trên trực tiếp.

5. Thành phần tham dự Đại hội CNVC:

5.1. Đại hội toàn thể: là toàn thể CNVCLĐ.

5.2. Đại hội đại biểu: gồm các đại biểu đương nhiên ở cấp triệu tập và đại biểu được bầu từ cấp dưới lên:

a) Đại biểu đương nhiên gồm: thành viên Hội đồng quản trị (nếu có); Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng; Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên thường vụ BCH Công đoàn công ty; Bí thư Ban cán sự Đảng, Bí thư Đảng ủy hoặc Bí thư Chi bộ (nơi không có Đảng ủy). Nếu Bí thư Đảng ủy hoặc Bí thư Chi bộ kiêm Tổng Giám đốc (Giám đốc) thì đồng chí Phó bí thư là đại biểu đương nhiên; Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Trưởng ban Nữ công; Trưởng ban Thanh tra nhân dân; Trưởng ban Kiểm soát.

Đại biểu đương nhiên nếu đang chịu hình thức kỷ luật từ khiển trách trở lên thì chỉ được mời dự Đại hội để trả lời kiến nghị và chất vấn của Đại hội, không được quyền biểu quyết trong Đại hội.

b) Đại biểu bầu cử:

- Số lượng đại biểu do Tổng Giám đốc (Giám đốc) và Ban Chấp hành Công đoàn công ty thỏa thuận, nhất trí phân

bổ cho các đơn vị thành viên, bộ phận của công ty đảm bảo tỷ lệ tương ứng với số lượng công nhân trực tiếp, thanh niên, lao động nữ trong công ty.

- Đại biểu bầu cử phải có tín nhiệm với CNVCLĐ; có khả năng tham gia đóng góp ý kiến cho Đại hội; không là người đang bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên; được Đại hội cấp đó bầu cử thông qua bỏ phiếu kín; phải được trên 50% số phiếu bầu.

Trường hợp nếu có nhiều người được trên 50% số phiếu bầu thì lấy theo số thứ tự từ người được số phiếu cao nhất trở xuống cho đến đủ số đại biểu được phân bổ.

Trường hợp bầu lần thứ nhất chưa đủ số đại biểu được phân bổ thì tiếp tục bầu cho đến khi có đủ số đại biểu.

Trường hợp nhiều đại biểu có cùng số phiếu bầu vượt quá số đại biểu được phân bổ thì tổ chức bầu tiếp những người có cùng số phiếu bầu này để lấy người có phiếu bầu cao nhất ứng với số đại biểu được phân bổ. Nếu vẫn không chọn được đủ số đại biểu thì Đoàn chủ tịch Đại hội xin ý kiến Đại hội quyết định.

6. Nội dung Đại hội CNVC:

6.1. Thảo luận, góp ý kiến trước khi cấp có thẩm quyền quyết định các vấn đề liên quan thuộc cấp mình và cấp trên trực tiếp sau đây:

a) Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch, biện pháp phát triển sản xuất, kinh

doanh, sắp xếp lại sản xuất công ty; tài chính công khai;

b) Phương án cổ phần hóa, đa dạng hóa sở hữu công ty;

c) Các nội quy, quy chế của công ty liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động;

d) Các biện pháp bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần, vệ sinh môi trường, đào tạo và đào tạo lại nghề cho người lao động của công ty;

e) Bỏ phiếu thăm dò tín nhiệm đối với các chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị (nếu có), Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

6.2. Thảo luận và biểu quyết quyết định các vấn đề sau đây:

a) Nội dung hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung thỏa ước lao động tập thể để đại diện tập thể người lao động ký kết với Tổng giám đốc hoặc Giám đốc công ty;

b) Quy chế sử dụng các quỹ phúc lợi, khen thưởng và các chỉ tiêu kế hoạch của công ty có liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động phù hợp với quy định của Nhà nước;

c) Đánh giá kết quả hoạt động và chương trình hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân;

d) Bầu Ban thanh tra nhân dân (bổ sung hoặc theo nhiệm kỳ).

6.3. Nội dung của Đại hội CNVC bất thường tập trung bàn và quyết nghị các vấn đề là nguyên nhân phải triệu tập Đại hội CNVC.

7. Kinh phí tổ chức Đại hội CNVC: được hạch toán vào chi phí của công ty.

8. Trình tự tổ chức Đại hội CNVC:

8.1. Hội nghị trù bị.

- Thành phần: Hội đồng quản trị (nếu có), Tổng giám đốc (Giám đốc), Bí thư Ban cán sự Đảng, Bí thư Đảng ủy hoặc Bí thư Chi bộ (nếu có đại biểu kiêm nhiệm 2 chức danh hoặc đi vắng thì cấp phó thay thế), Chủ tịch Công đoàn công ty.

- Nội dung: xây dựng kế hoạch Đại hội CNVC của công ty; phân công chuẩn bị nội dung, triển khai kế hoạch Đại hội CNVC xuống cấp dưới.

8.2. Hội nghị cán bộ công ty.

- Thành phần: Bí thư Ban cán sự Đảng, Bí thư, Phó bí thư Đảng ủy (Bí thư Chi bộ); Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc), các Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Trưởng ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, Chủ tịch, Phó chủ tịch và các Ủy viên Ban thường vụ Công đoàn cơ sở, Trưởng Ban Thanh tra nhân dân; Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Trưởng ban Nữ công, Trưởng các Phòng, Ban, Phân

xưởng, Đội sản xuất, Chủ tịch Công đoàn bộ phận.

- Nội dung hội nghị: Tổng Giám đốc (Giám đốc), Chủ tịch Công đoàn báo cáo tóm tắt những nội dung phân công tại hội nghị trừ bị; Đại biểu thảo luận tham gia ý kiến bổ sung nội dung các báo cáo trên; Tổng Giám đốc (Giám đốc), Chủ tịch Công đoàn tiếp thu, hoàn thiện các báo cáo.

8.3. Đại hội CNVC tổ, đội, phân xưởng, phòng, ban, đơn vị thành viên.

- Thành phần: CNVCLĐ có giao kết hợp đồng lao động với công ty. Trường hợp số lượng CNVCLĐ ở phân xưởng, đơn vị thành viên có trên 150 người thì có thể tiến hành Đại hội theo quy định tại tiết 2 khoản 4.2 Mục 4 Thông tư này.

- Nội dung: Trưởng phòng, ban, phân xưởng, đội sản xuất trình bày dự thảo báo cáo của Giám đốc công ty về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và thực hiện các chế độ chính sách với CNVCLĐ tại đơn vị; Tổ trưởng Công đoàn (Chủ tịch Công đoàn bộ phận) trình bày dự thảo các báo cáo thuộc trách nhiệm của Công đoàn Công ty chuẩn bị để trình ra Đại hội CNVC công ty; Đại hội thảo luận, tập trung vào những vấn đề: phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty, giải pháp thực hiện nhiệm vụ sản xuất của bộ phận; biện pháp nâng cao đời sống vật chất tinh thần và môi trường làm việc

của CNVCLĐ; nội dung sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng mới Thỏa ước lao động tập thể; nội dung sửa đổi, bổ sung nội quy, quy chế của công ty (nếu có); Bầu đại biểu dự Đại hội đại biểu CNVC công ty theo chỉ tiêu phân bổ (nếu có); Thông qua danh sách đề nghị khen thưởng tập thể, cá nhân tại đơn vị; Thông qua ý kiến, kiến nghị lên Đại hội cấp trên.

8.4. Đại hội công nhân viên chức Công ty:

- Tổng Giám đốc (Giám đốc) công ty:

Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh và phương hướng năm kế hoạch; Báo cáo kết quả thực hiện chế độ, chính sách với CNVCLĐ về sắp xếp lại lao động, tuyển dụng, cải thiện điều kiện làm việc, đào tạo và đào tạo lại, tiền lương và thu nhập, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ của công ty, ...; Nội dung dự thảo bổ sung, sửa đổi (nếu có) các nội quy, quy chế nội bộ trong công ty; Báo cáo công khai tài chính theo quy định hiện hành.

Đối với Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ, Tổng Giám đốc báo cáo các nội dung nêu trên, tập trung vào các vấn đề thuộc kế hoạch phát triển dài hạn, ngắn hạn; các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh giao cho các đơn vị thành viên thực hiện; những biện pháp tổ chức nâng cao hiệu quả kinh doanh của Tổng công ty đối với các công ty thành viên;

- Chủ tịch Công đoàn Công ty: Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Thỏa ước

lao động tập thể và dự thảo nội dung sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng mới; báo cáo việc tiếp thu và kết quả thương lượng Thỏa ước lao động tập thể; tổng kết phong trào thi đua và kế hoạch tổ chức phong trào thi đua năm tới; về ý kiến của công nhân viên chức về việc kiến nghị với cấp có thẩm quyền cho tổ chức bỏ phiếu thăm dò tín nhiệm đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị (nếu có), Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng.

- Trưởng ban Thanh tra nhân dân báo cáo kết quả và kế hoạch hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân.

- Đại biểu thảo luận các báo cáo.

- Giới thiệu nhân sự của Công đoàn để tham gia Ban kiểm soát; giới thiệu người đủ điều kiện đại diện CNVC và LD để cấp có thẩm quyền xem xét, bổ nhiệm vào Hội đồng quản trị (nếu có).

- Bầu Ban thanh tra nhân dân (nếu có).

- Tổng Giám đốc (Giám đốc), Chủ tịch Công đoàn giải đáp chất vấn về các nội dung thuộc thẩm quyền.

- Biểu quyết thông qua các văn bản: nội dung Thỏa ước lao động tập thể hoặc nội dung sửa đổi, bổ sung để Chủ tịch Công đoàn ký kết với Tổng Giám đốc (Giám đốc) công ty; Quy chế sử dụng các quỹ phúc lợi, khen thưởng và các chỉ tiêu kế hoạch của công ty có liên quan trực

tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động phù hợp với quy định của Nhà nước; đánh giá kết quả hoạt động và chương trình hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân; biểu quyết giới thiệu người đại diện cho tập thể CNVCLĐ tham gia Hội đồng quản trị khi có đủ điều kiện.

- Ký kết Thỏa ước lao động tập thể:

Khi dự thảo Thỏa ước lao động tập thể đã đảm bảo các quy định của pháp luật lao động hiện hành thì Chủ tịch Công đoàn, Tổng Giám đốc (Giám đốc) ký kết ngay tại Đại hội.

Nếu chưa đủ điều kiện theo quy định của pháp luật thì sau Đại hội tiếp tục thương lượng và ký kết.

- Công bố khen thưởng và phát động phong trào thi đua.

- Khi cấp có thẩm quyền cho phép thì Đại hội bỏ phiếu thăm dò tín nhiệm đối với các chức danh Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị (nếu có), Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng.

- Biểu quyết thông qua Nghị quyết Đại hội CNVC.

8.5. Thông báo kết quả Đại hội.

Sau Đại hội CNVC, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và Ban Chấp hành Công đoàn công ty thông báo kết quả Đại hội cho toàn thể CNVCLĐ biết và gửi báo cáo lên cấp trên trực tiếp quản lý.

9. Tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội CNVC:

- Trách nhiệm của Tổng Giám đốc (Giám đốc) công ty: chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị lập kế hoạch, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội; phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn giải quyết các kiến nghị của CNVCLĐ đã thông qua tại Đại hội; tạo điều kiện để Ban Thanh tra nhân dân hoạt động theo đúng quy định của pháp luật; định kỳ 6 tháng, cùng với Ban Chấp hành Công đoàn sơ kết đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội CNVC, Thỏa ước lao động tập thể và phong trào thi đua, thông báo cho CNVCLĐ trong công ty biết và báo cáo cấp trên.

- Trách nhiệm của Ban Chấp hành Công đoàn công ty: kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch triển khai Nghị quyết Đại hội CNVC, Thỏa ước lao động tập thể; chỉ đạo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân; phối hợp với các đoàn thể trong công ty động viên CNVCLĐ thực hiện Nghị quyết của Đại hội CNVC, Thỏa ước lao động tập thể.

10. Điều khoản thi hành:

- Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo, thay thế Văn bản số 1584/TLĐ ngày 15 tháng 11 năm 1999 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

- Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hàng năm kiểm tra, đánh giá việc tổ chức Đại hội CNVC trong các Công ty nhà nước; giải quyết kịp thời các vướng mắc của cơ sở./.

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH TỔNG LIÊN
ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
Chủ tịch

Cù Thị Hậu

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG
BINH VÀ XÃ HỘI

Nguyễn Thị Hằng